

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
(đã được soát xét)

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

Công ty

Công ty cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 3500806844 đăng ký lần đầu ngày 09/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14/08/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Thanh Nam	Chủ tịch	
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên	
Ông Trương Duy Lâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Dương	Thành viên	
Ông Lê Văn Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/06/2026

Ban Kiểm soát

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Hồ Thị Kim Ánh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23/06/2026
Ông Trịnh Minh Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/06/2026
Ông Phạm Thường Minh	Thành viên	
Bà Nguyễn Lệ Trà	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 19/06/2026
Ông Phạm Công Huy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/06/2026

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Duy Lâm	Giám đốc
Ông Nguyễn Nam Anh	Phó Giám đốc

Đại diện theo pháp luật

Ông Trương Duy Lâm	Giám đốc
--------------------	----------

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,
Thành phố Hồ Chí Minh

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2026

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Trương Duy Lâm

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30/07/2026, từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Tại ngày 30/06/2026, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 có giá gốc khoảng 16,82 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2026 khoảng 16,80 tỷ đồng). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của khoản chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang này tại ngày 30/06/2026 và ngày 01/01/2026. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có số dư khoản phải thu từ khách hàng là Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng Amecc liên quan đến các hợp đồng thuê mặt bằng, thuê dịch vụ hậu cần, thuê gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị với số tiền khoảng 58,42 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2026 khoảng 58,42 tỷ đồng) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này khoảng 40,85 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2026 khoảng 40,85 tỷ đồng) (thuyết minh số V.3). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 30/06/2026 và ngày 01/01/2026. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 30/06/2026, Công ty đã báo cáo số lỗ lũy kế khoảng 1.094,12 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2026 khoảng 1.090,59 tỷ đồng); Vốn chủ sở hữu âm tại ngày 30/06/2026 khoảng 496,63 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2026 khoảng 493,09 tỷ đồng) và cũng tại ngày này, tổng nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn khoảng 857,06 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2026 khoảng 864,81 tỷ đồng). Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ lượng tiền phục vụ kinh doanh. Công ty tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh sẽ tiếp tục với việc thu hồi công nợ phải thu từ các dự án đã hoàn thành, việc thực hiện các hợp đồng kinh tế đã và sẽ được ký kết và thực hiện trong những năm tiếp theo tạo dòng tiền để có thể thanh toán các khoản công nợ. Đồng thời, Công ty đang tiếp tục xin cơ cấu lại khoản nợ vay của Ngân hàng. Tuy nhiên chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp về các kế hoạch hoạt động này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính của Công ty kèm theo được lập với giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Tiếp theo)

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



Bùi Quang Hợp

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 1796-2023-126-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		605.142.953.345	779.521.921.644
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	229.807.268.275	142.710.962.097
1. Tiền	111		179.681.035.398	98.544.472.582
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.126.232.877	44.166.489.515
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		31.131.310.978	85.792.812.477
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	31.131.310.978	85.792.812.477
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		112.845.265.268	218.735.475.780
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	154.134.967.529	261.733.645.528
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.174.075.553	1.531.145.272
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	574.361.115	508.823.909
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.5	(45.038.138.929)	(45.038.138.929)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	156.667.445.228	239.360.621.065
1. Hàng tồn kho	141		161.720.607.570	244.413.783.407
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(5.053.162.342)	(5.053.162.342)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		74.691.663.596	92.922.050.225
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7	469.490.528	10.547.406.266
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		73.310.876.254	81.690.939.748
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.14	911.296.814	683.704.211
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		417.633.561.830	437.917.233.494
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		257.274.185.059	270.429.767.854
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	256.783.611.473	269.873.073.482
- Nguyên giá	222		1.320.936.280.510	1.335.070.019.001
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.064.152.669.037)	(1.065.196.945.519)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	490.573.586	556.694.372
- Nguyên giá	228		75.690.301.102	75.690.301.102
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.199.727.516)	(75.133.606.730)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		5.008.173.940	5.293.576.310
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.10	5.008.173.940	5.293.576.310
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		41.817.180.274	40.873.835.890
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.2	41.817.180.274	40.873.835.890
VII. Tài sản dài hạn khác	270		113.534.022.557	121.320.053.440
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7	113.534.022.557	121.320.053.440
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.022.776.515.175	1.217.439.155.138

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.519.401.628.371	1.710.532.152.328
I. Nợ ngắn hạn	310		1.462.201.428.002	1.644.331.636.959
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	168.104.176.439	290.412.691.851
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.152.855.861	2.593.654.653
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		17.911.878.692	17.936.235.092
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.14	912.580.513	1.976.403.175
5. Phải trả người lao động	315		9.840.203.810	8.602.098
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.12	140.845.411.866	118.984.078.628
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		1.713.675.000	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.13	526.537.200.287	498.747.785.073
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.15	593.904.446.357	713.374.187.212
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.16	217.137.581	217.137.581
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		61.861.596	80.861.596
II. Nợ dài hạn	330		57.200.200.369	66.200.515.369
1. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		4.599.685.000	13.600.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	343	V.16	52.600.515.369	52.600.515.369
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.17	(496.625.113.196)	(493.092.997.190)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		594.897.870.000	594.897.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		594.897.870.000	594.897.870.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.597.721.463	2.597.721.463
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.094.120.704.659)	(1.090.588.588.653)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(1.090.588.588.653)	(1.091.061.487.587)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		(3.532.116.006)	472.898.934
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.022.776.515.175	1.217.439.155.138

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu



Hoàng Thị Thu Huyền

Phụ trách kế toán



Mạc Thị Hồng Vượng

Giám đốc



Trương Duy Lâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	509.475.002.335	775.675.139.076
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		509.475.002.335	775.675.139.076
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	474.369.744.442	742.273.290.652
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.105.257.893	33.401.848.424
6. Lãi/(lỗ) của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	5.010.285.122	4.715.340.823
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	29.740.951.488	30.476.216.889
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		29.005.127.753	28.684.727.942
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	12.227.646.298	5.398.931.687
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.853.054.771)	2.242.040.671
12. Thu nhập khác	31	VI.6	769.731.750	266.504.481
13. Chi phí khác	32	VI.7	37.911.653	490.596.628
14. Lợi nhuận khác	40		731.820.097	(224.092.147)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.121.234.674)	2.017.948.524
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2.410.881.332	4.398.799.373
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.532.116.006)	(2.380.850.849)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(59)	(40)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(59)	(40)

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu



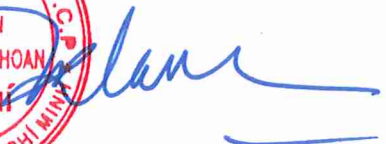
Hoàng Thị Thu Huyền

Phụ trách kế toán



Mạc Thị Hồng Vượng

Giám đốc

Trương Duy Lâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.121.234.674)	2.017.948.524
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	20.033.516.091	18.824.438.578
- Các khoản dự phòng	03	-	2.494.530.449
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	65.277.626	(346.120.232)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(2.915.436.118)	(1.096.006.380)
- Chi phí đi vay	06	29.005.127.753	28.684.727.942
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	45.067.250.678	50.579.518.881
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	112.979.622.580	(46.757.769.131)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	82.693.175.837	66.661.215.518
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(97.801.895.690)	118.810.796.895
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	17.863.946.621	12.161.378.360
- Chi phí đi vay đã trả	14	(1.879.205.021)	(279.394.863)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.292.674.346)	(2.559.709.021)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(19.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	155.611.220.659	198.616.036.639
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.592.530.926)	(10.421.086.226)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	295.830.874	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(21.100.000.000)	(1.346.521.296)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	74.666.521.296	25.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.771.241.063	903.027.986
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	50.041.062.307	14.135.420.464

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	17.542.999.464	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(137.012.740.319)	(24.788.280.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.356.400)	(6.418.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(119.494.097.255)	(24.794.698.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	86.158.185.711	187.956.758.303
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	142.710.962.097	32.215.710.892
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	938.120.467	(1.491.070.466)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	229.807.268.275	218.681.398.729

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu



Hoàng Thị Thu Huyền

Phụ trách kế toán



Mạc Thị Hồng Vương

Giám đốc




Trương Duy Lâm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 đăng ký lần đầu ngày 09/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14/08/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 594.897.870.000 đồng.

Tổng số cổ phần: 59.489.787 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Cơ khí chế tạo và dịch vụ kỹ thuật phục vụ ngành dầu khí.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển, nâng hạ, cầu các loại;
- Đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, các phương tiện nổi, thiết bị và phương tiện mới;
- Thi công công trình thủy; Hoạt động xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp, cầu cảng; Xây lắp, chế tạo các công trình dầu khí;
- Lập dự án, chế thử sản xuất, nghiên cứu khoa học- công nghệ, ứng dụng nghiên cứu khoa học- công nghệ và tiêu thụ các sản phẩm nghiên cứu, ứng dụng, sản phẩm giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy các phương tiện nổi; Lập dự án, chế thử sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy;
- Phá dỡ giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, các phương tiện nổi; Sản xuất các loại vật liệu, thiết bị cơ khí, điện, điện lạnh, điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và chế tạo tàu thủy; Tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ chế tạo giàn khoan; Tổ chức, khai thác thực nghiệm năng lực các phương tiện nổi;
- Chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lắp ráp, phục hồi, sửa chữa và mua bán vật tư, thiết bị giao thông vận tải;
- Kinh doanh hạ tầng cơ sở khu công nghiệp; Dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa;
- Đại lý cung ứng, lai dắt, sửa chữa tàu biển, giàn khoan và giàn khoan khai thác dầu khí; Nạo vét luồng lạch; Dịch vụ cảng, bến cảng; San lấp, tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng;
- Vệ sinh tàu biển, giàn khoan và giàn khoan khai thác dầu khí; Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách ven biển và viễn dương; Vận tải hành khách đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Cho thuê lại lao động;
- Kinh doanh nhiên liệu, xăng dầu, dầu mỡ bôi trơn và các sản phẩm dầu khí; Bán buôn khí công nghiệp, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
- Lắp ráp, phục hồi, sửa chữa thiết bị giao thông vận tải, phương tiện, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động khoan, khai thác dầu khí;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ khí, phụ tùng, phụ kiện, các loại hàng hóa liên quan đến ngành chế tạo các phương tiện nổi; Mua bán vật tư, thiết bị giao thông vận tải, phương tiện, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt

động khoan, khai thác dầu khí; Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ khí, phụ tùng, phụ kiện, các loại hàng hóa liên quan đến ngành chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và chế tạo tàu thủy;

- Dịch vụ thử không phá hủy, xử lý nhiệt mỗi hàn kim loại và các vật liệu bằng kim loại khác;
- Thiết kế xây dựng công trình biển- dầu khí; Thiết kế hệ thống điện và tự động công trình dầu khí; Thiết kế hệ thống và thiết bị trên tàu biển; Thiết kế cơ khí công trình công nghiệp, dân dụng; Thiết kế xây dựng công trình công nghiệp; Thiết kế lắp đặt thiết bị dầu khí; Thiết kế kết cấu các công trình giao thông đường thủy; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng; Thiết kế xây dựng công trình biển- dầu khí;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình khai thác dầu, khí đốt và tuyến ống dẫn khí, dầu; Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng;
- Cho thuê kho, bãi, văn phòng, nhà xưởng; hoạt động kho bãi và các hoạt động hỗ trợ.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan, cho thuê bến, bãi và các dịch vụ liên quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Số lượng người lao động

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có 539 cán bộ nhân viên (tại ngày 01/01/2026, có 663 cán bộ nhân viên).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 30/06 hàng năm.

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Thay đổi trong các chính sách kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 99 được áp dụng phi hồi tố. Thông tư 99 có thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong báo cáo tài chính. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại. Chi tiết việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại thuyết minh số VIII.5 của thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Tại ngày 30/06/2026, Công ty đã báo cáo số lỗ lũy kế khoảng 1.094,12 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2026 khoảng 1.090,59 tỷ đồng); Vốn chủ sở hữu âm tại ngày 30/06/2026 khoảng 496,63 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2026 khoảng 493,09 tỷ đồng) và cũng tại ngày này, tổng nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn khoảng 857,06 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2026 khoảng 864,81 tỷ đồng). Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ lượng tiền phục vụ kinh doanh. Công ty tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh sẽ tiếp tục với việc thu hồi công nợ phải thu từ các dự án đã hoàn thành, việc thực hiện các hợp đồng kinh tế đã và sẽ được ký kết và thực hiện trong những năm tiếp theo tạo dòng tiền để có thể thanh toán các khoản công nợ. Đồng thời, Công ty đang tiếp tục xin cơ cấu lại khoản nợ vay của Ngân hàng. Do đó, báo cáo tài chính được trình bày trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ phù hợp với từng nghiệp vụ. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; riêng tiền gửi ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản. Các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi thì không đánh giá lại phần giá trị đã được trích lập dự phòng.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	05 - 15
Thiết bị quản lý	03 - 05
Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	02 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10
Tài sản cố định vô hình	03 - 10

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, công cụ dụng cụ và các khoản chi phí chờ phân bổ khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê mặt bằng là 47 năm.

Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm giá trị san lấp mặt bằng và công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán. Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo đúng qui định hiện hành.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ. Khi lập Báo cáo tài chính số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ là khoản doanh thu nhận trước, chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm về cho thuê tài sản và việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chờ phân bổ tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chờ phân bổ sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được các cổ đông phê duyệt tại đại hội cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn và các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

24. Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

25. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,

Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
Tiền mặt	423.273.401	198.560.109
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	179.257.761.997	98.345.912.473
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Vũng Tàu (VND)	12.211.638.234	637.273.022
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Vũng Tàu (USD)	52.504.113.556	53.302.013.875
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu (VND)	5.785.715.759	480.314.514
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu (USD)	106.508.870.919	42.207.295.270
- Các ngân hàng khác	2.247.423.529	1.719.015.792
Các khoản tương đương tiền (i)	50.126.232.877	44.166.489.515
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Vũng Tàu (VND)	30.000.000.000	3.877.350.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu (VND)	20.000.000.000	40.000.000.000
- Lãi dự thu của tương đương tiền	126.232.877	289.139.515
Cộng	229.807.268.275	142.710.962.097

(i) Các khoản tương đương tiền gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất 4,75%/năm (tại ngày 01/01/2026 lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,75%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,

Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

30/06/2026

Đơn vị tính: VND

01/01/2026

(Trình bày lại)

Khoản mục	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	31.131.310.978	31.131.310.978	-	85.792.812.477	85.792.812.477	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	31.131.310.978	31.131.310.978	-	85.792.812.477	85.792.812.477	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Vũng Tàu (VND)	25.226.174.781	25.226.174.781	-	5.572.696.077	5.572.696.077	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vũng Tàu - Côn Đảo (VND)	4.397.000.000	4.397.000.000	-	4.397.000.000	4.397.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu (VND)	100.000.000	100.000.000	-	73.320.000.000	73.320.000.000	-
- Các ngân hàng khác	799.632.011	799.632.011	-	799.632.011	799.632.011	-
Lãi dự thu của tiền gửi có kỳ hạn	608.504.186	608.504.186	-	1.703.484.389	1.703.484.389	-
Dài hạn	41.817.180.274	41.817.180.274	-	40.873.835.890	40.873.835.890	-
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	41.817.180.274	41.817.180.274	-	40.873.835.890	40.873.835.890	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Vũng Tàu (VND)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu (VND)	37.900.000.000	37.900.000.000	-	37.900.000.000	37.900.000.000	-
Lãi dự thu của tiền gửi có kỳ hạn	1.917.180.274	1.917.180.274	-	973.835.890	973.835.890	-
Cộng	72.948.491.252	72.948.491.252	-	126.666.648.367	126.666.648.367	-

(i) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất từ 3,4%/năm đến 8,5%/năm (tại ngày 01/01/2026 lãi suất từ 3,5%/năm đến 4,8%/năm). Công ty đã sử dụng một số hợp đồng tiền gửi ngắn hạn với số tiền là 3.540.174.781 đồng để đảm bảo cho bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 13 tháng trở lên tại các ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất từ 5,3%/năm đến 5,7%/năm (tại ngày 01/01/2026 lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,3%/năm) và đã được dùng để đảm bảo cho bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Các bên khác	95.838.475.858	(44.665.900.031)	162.143.521.735	(44.665.900.031)
Shinfox Far East Company Pte Ltd	3.205.603.391	-	3.180.788.727	-
Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng Amecc	58.422.532.649	(40.852.676.755)	58.422.532.649	(40.852.676.755)
Kanfa As	-	-	46.033.142.473	-
Các khách hàng khác	34.210.339.818	(3.813.223.276)	54.507.057.886	(3.813.223.276)
Bên liên quan	58.296.491.671	-	99.590.123.793	-
Công ty cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC	6.690.672.436	-	5.961.422.953	-
Chi nhánh Cảng dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo - Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	46.656.000	-	5.629.786.703	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	19.977.340.914	-	50.624.697.716	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	92.067.359	-	26.044.515.485	-
Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	20.160.054.026	-	-	-
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	11.329.700.936	-	11.329.700.936	-
Cộng	154.134.967.529	(44.665.900.031)	261.733.645.528	(44.665.900.031)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,

Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4. Phải thu khác

	30/06/2026		01/01/2026 (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	574.361.115	(324.488.898)	508.823.909	(324.488.898)
Tạm ứng	82.107.800	-	24.221.654	-
Phải thu khác	492.253.315	(324.488.898)	484.602.255	(324.488.898)
Cộng	574.361.115	(324.488.898)	508.823.909	(324.488.898)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị gốc nợ	Giá trị dự phòng	Giá trị gốc nợ	Giá trị dự phòng
Phải thu khách hàng	62.235.755.925	(44.665.900.031)	62.235.755.925	(44.665.900.031)
Phải thu khác	324.488.898	(324.488.898)	324.488.898	(324.488.898)
Trả trước cho người bán	47.750.000	(47.750.000)	47.750.000	(47.750.000)
Cộng	62.607.994.823	(45.038.138.929)	62.607.994.823	(45.038.138.929)

6. Hàng tồn kho

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.541.882.476	-
Nguyên vật liệu	35.535.959.988	(5.053.162.342)	36.755.147.211	(5.053.162.342)
Công cụ, dụng cụ	5.632.688.408	-	5.476.562.800	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	120.550.246.211	-	200.607.058.513	-
Hàng hóa	1.712.963	-	33.132.407	-
Cộng	161.720.607.570	(5.053.162.342)	244.413.783.407	(5.053.162.342)

7. Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026	01/01/2026
Ngắn hạn	469.490.528	10.547.406.266
Công cụ, dụng cụ	469.490.528	2.949.966.240
Các khoản khác	-	7.597.440.026
Dài hạn	113.534.022.557	121.320.053.440
Tiền thuê đất (i)	93.987.494.461	95.528.273.059
Công cụ, dụng cụ	9.213.684.217	11.165.898.501
Các khoản khác	10.332.843.879	14.625.881.880
Cộng	114.003.513.085	131.867.459.706

(i) Tiền thuê đất thể hiện tiền thuê mặt bằng tại căn cứ cảng PTSC thuộc Thành phố Hồ Chí Minh (trước thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) với diện tích 39,8ha theo Hợp đồng thuê số CN0107001/HDKT - PVSĐ ngày 06/12/2007 đã ký kết với Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình cho mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng, kho bãi phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn thuê được tính từ khi hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng đến hết ngày 31/12/2057.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà xưởng vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản hình thành từ nguồn KPSN	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư đầu kỳ	778.498.960.520	129.457.050.849	397.332.122.393	11.219.985.674	3.850.699.617	14.711.199.948	1.335.070.019.001
Số tăng trong kỳ	5.104.507.870	1.492.897.426	-	280.528.000	-	-	6.877.933.296
- Mua trong kỳ	5.104.507.870	1.492.897.426	-	280.528.000	-	-	6.877.933.296
Số giảm trong kỳ	-	18.845.393.917	1.910.622.982	-	-	255.654.888	21.011.671.787
- Thanh lý	-	18.845.393.917	1.910.622.982	-	-	255.654.888	21.011.671.787
Số dư cuối kỳ	783.603.468.390	112.104.554.358	395.421.499.411	11.500.513.674	3.850.699.617	14.455.545.060	1.320.936.280.510
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	588.195.071.377	118.175.167.997	333.691.266.164	10.025.781.529	3.850.699.617	11.258.958.835	1.065.196.945.519
Số tăng trong kỳ	8.939.318.202	2.200.936.787	7.216.296.688	261.790.110	-	1.349.053.518	19.967.395.305
- Khấu hao trong kỳ	8.939.318.202	2.200.936.787	7.216.296.688	261.790.110	-	1.349.053.518	19.967.395.305
Số giảm trong kỳ	-	18.845.393.917	1.910.622.982	-	-	255.654.888	21.011.671.787
- Thanh lý	-	18.845.393.917	1.910.622.982	-	-	255.654.888	21.011.671.787
Số dư cuối kỳ	597.134.389.579	101.530.710.867	338.996.939.870	10.287.571.639	3.850.699.617	12.352.357.465	1.064.152.669.037
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu kỳ	190.303.889.143	11.281.882.852	63.640.856.229	1.194.204.145	-	3.452.241.113	269.873.073.482
Tại ngày cuối kỳ	186.469.078.811	10.573.843.491	56.424.559.541	1.212.942.035	-	2.103.187.595	256.783.611.473

Như trình bày tại thuyết minh số V.15, Công ty đã thể chấp công trình xây dựng và các tài sản, trang thiết bị gắn liền với công trình xây dựng, tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với dự án, các trang thiết bị được xây dựng thêm, mua, nâng cấp, gắn liền hoặc tọa lạc tại địa điểm khu vực cảng Sao Mai - Bến Đình số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh (trước là số 65A2 Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành Phố Vũng Tàu) với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2026 là 256.783.611.473 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 269.873.073.482 đồng)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 260.210.732.085 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 238.312.538.744 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,

Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm		Cộng
	Phần mềm máy tính	hình thành từ nguồn KPSN	
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	19.667.926.892	56.022.374.210	75.690.301.102
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	19.667.926.892	56.022.374.210	75.690.301.102
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	19.111.232.520	56.022.374.210	75.133.606.730
Số tăng trong kỳ	66.120.786	-	66.120.786
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	66.120.786	-	66.120.786
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	19.177.353.306	56.022.374.210	75.199.727.516
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	556.694.372	-	556.694.372
Tại ngày cuối kỳ	490.573.586	-	490.573.586

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 74.367.885.370 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 74.367.885.370 đồng).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng bể chứa nước phòng cháy chữa cháy	-	-	1.396.902.370	1.396.902.370
Xây dựng hệ thống thoát nước tổng thể bãi	3.896.673.940	3.896.673.940	3.896.673.940	3.896.673.940
Xây dựng phần mềm Bravo	1.111.500.000	1.111.500.000	-	-
Cộng	5.008.173.940	5.008.173.940	5.293.576.310	5.293.576.310

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,

Thành phố Hồ Chí Minh

Bảo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Các bên khác	147.930.556.767	276.194.169.743
Công ty cổ phần Thương mại Kỹ thuật Toàn Cầu	8.582.350.216	17.235.600.680
Công ty TNHH Xây dựng An Lạc	2.754.047.062	13.832.415.318
Công ty cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen	2.469.035.579	7.345.688.576
Công ty cổ phần Kỹ thuật HTC	5.103.011.191	12.465.943.571
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Tín Phát	6.034.208.335	19.912.465.957
Công ty TNHH MTV Thương mại và Tiếp vận Bảo Tín	15.649.200.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại T.D.T	8.019.998.967	29.185.569.851
Công ty cổ phần Lilama 18	8.271.812.006	13.882.565.704
Công ty cổ phần Nhân lực và Dịch vụ Kỹ thuật XL	6.908.215.560	15.356.483.022
Công ty cổ phần Vina Logistics	10.259.460.000	1.028.160.000
Các nhà cung cấp khác	73.879.217.851	145.949.277.064
Bên liên quan	20.173.619.672	14.218.522.108
Chi nhánh Cảng dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo - Tổng	1.652.293.006	4.279.220.724
Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	12.572.636.866	2.667.557.364
Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	5.698.145.280	5.698.145.280
Công ty cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC	3.825.000	1.556.218.084
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	246.719.520	17.380.656
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC		
Cộng	168.104.176.439	290.412.691.851

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Chi phí lãi vay	-	1.128.984.193
Chi phí thuê đất và phí quản lý	20.465.959.690	40.931.919.380
Chi phí các công trình và chi phí khác	120.379.452.176	76.923.175.055
Cộng	140.845.411.866	118.984.078.628

13. Phải trả khác

	30/06/2026	01/01/2026
		(Trình bày lại)
Ngắn hạn	526.537.200.287	498.747.785.073
Kinh phí công đoàn	618.846.160	445.111.700
Lãi vay phải trả (i)	522.844.082.983	494.589.176.058
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.074.271.144	3.713.497.315
Cộng	526.537.200.287	498.747.785.073

(i) Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh là khoản tiền lãi phát sinh từ hai hợp đồng tín dụng (xem thêm thuyết minh số V.15).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,

Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

14. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	30/06/2026		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	01/01/2026	
	Số phải nộp	Số phải thu			Số phải nộp	Số phải thu
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	85.401.951	85.401.951	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	65.182.513	65.182.513	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	912.580.513	-	2.410.881.332	3.292.674.346	1.794.373.527	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	197.334.246	780.833.685	1.160.197.579	182.029.648	-
Thuế khác	-	713.962.568	310.601.231	340.859.588	-	683.704.211
Cộng	912.580.513	911.296.814	3.652.900.712	4.944.315.977	1.976.403.175	683.704.211

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2026	Tăng	Giảm	01/01/2026
Ngắn hạn	593.904.446.357	17.542.999.464	137.012.740.319	713.374.187.212
Vay ngắn hạn (i)	-	17.542.999.464	137.012.740.319	119.469.740.855
Vay dài hạn đến hạn trả (ii)	593.904.446.357	-	-	593.904.446.357

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	30/06/2026	01/01/2026
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	52.320.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	-	67.149.740.855
Cộng	-	119.469.740.855

(ii) Chi tiết khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

	30/06/2026	01/01/2026
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh	593.904.446.357	593.904.446.357
Cộng	593.904.446.357	593.904.446.357

Vay dài hạn đến hạn trả thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC") nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ("PVcomBank"). Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản máy móc thiết bị của Công ty theo hợp đồng thế chấp số 03/2013/HĐTC-TCKD-CNVT.TĐ&QLTD ngày 27/09/2013 (xem thêm thuyết minh số V.8). Khoản vay này gồm hai hợp đồng tín dụng:

(i) Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HĐTDUT/TCDK-CNVT.TD ngày 17/05/2011 với số tiền 641 tỷ đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Thời hạn vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24/5/2011 đến ngày 24/5/2012 và gia hạn đến ngày 24/11/2014 theo phụ lục số 01/11/2011/HĐTDUT/TCDK-CNVT.TD. Khoản vay này đã được giải ngân hết trong năm 2011.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 07/HĐTDUT/TCDK-CNVT.TD ngày 18/03/2011 với số tiền vay tối đa là 250 tỷ đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Lãi suất vay bằng lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVcomBank tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 06/10/2011 và 14,2%/năm đối với khoản vay giải ngân sau ngày 06/10/2011. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (trước là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) chuyển vốn ủy thác cho PVcomBank đến ngày 06/04/2012.

Ngày 09/05/2013, Công ty và PVcomBank đã ký hai phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/07/HĐTDUT/TCDK-CNVT.TD và số 02/11/2011/HĐTDUT/TCDK-CNVT.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, hai khoản vay này được cơ cấu lại và gia hạn đến ngày 31/12/2018. Hai khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30/06/2014 đến ngày 31/12/2018. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng phí ủy thác (0,15%/năm).

Ngày 29/06/2015, Công ty và PVcomBank đã ký hai phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/07/HĐTDUT/TCDK-CNVT.TD và số 03/11/2011/HĐTDUT/TCDK-CNVT.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, khoản nợ gốc còn lại được trả tới ngày 30/06/2024. Hiện tại, Công ty đang tiếp tục xin cơ cấu lại khoản nợ vay của Ngân hàng.

15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**Số vay quá hạn chưa thanh toán**

	30/06/2026		01/01/2026	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay	593.904.446.357	522.844.082.983	593.904.446.357	494.589.176.058
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh	593.904.446.357	522.844.082.983	593.904.446.357	494.589.176.058

16. Dự phòng phải trả

	30/06/2026	Tăng	Giảm	01/01/2026
Ngắn hạn	217.137.581	-	-	217.137.581
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng (i)	217.137.581	-	-	217.137.581
Dài hạn	52.600.515.369	-	-	52.600.515.369
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	128.503.875	-	-	128.503.875
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng (i)	52.472.011.494	-	-	52.472.011.494
Cộng	52.817.652.950	-	-	52.817.652.950

(i) Dự phòng bảo hành công trình được trích lập để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình xây dựng theo các điều khoản của hợp đồng đã ký với khách hàng, tính trên 1%-5% giá trị hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

17. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	594.897.870.000	2.597.721.463	(1.091.061.487.587)	(493.565.896.124)
Lãi trong năm trước	-	-	472.898.934	472.898.934
Số dư đầu năm nay	594.897.870.000	2.597.721.463	(1.090.588.588.653)	(493.092.997.190)
Lỗ trong kỳ	-	-	(3.532.116.006)	(3.532.116.006)
Số dư cuối kỳ	594.897.870.000	2.597.721.463	(1.094.120.704.659)	(496.625.113.196)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,

Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	171.056.430.000	28,8%	171.056.430.000	28,8%
Tổng Công ty công nghiệp Tàu thủy	44.792.570.000	7,5%	44.792.570.000	7,5%
Các cổ đông khác	379.048.870.000	63,7%	379.048.870.000	63,7%
Cộng	594.897.870.000	100,0%	594.897.870.000	100,0%

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	594.897.870.000	594.897.870.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	594.897.870.000	594.897.870.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	59.489.787	59.489.787
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.489.787	59.489.787
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	59.489.787	59.489.787
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.489.787	59.489.787
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	59.489.787	59.489.787
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

18. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

Ngoại tệ các loại	30/06/2026	01/01/2026
- Đô la Mỹ (USD)	6.133.263,16	3.726.307,49
- Euro (EUR)	88,92	88,80

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Doanh thu dịch vụ bến bãi, phương tiện, cầu cảng, khác	84.281.136.486	57.943.943.007
Doanh thu chế tạo, đóng mới, sửa chữa phương tiện nổi	425.193.865.849	717.731.196.069
Cộng	509.475.002.335	775.675.139.076

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Giá vốn dịch vụ bến bãi, phương tiện, cầu cảng, khác	72.023.944.642	43.825.407.836
Giá vốn chế tạo, đóng mới, sửa chữa phương tiện nổi	402.345.799.800	698.447.882.816
Cộng	474.369.744.442	742.273.290.652

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.638.402.755	1.096.006.380
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.371.882.367	3.619.334.443
Cộng	5.010.285.122	4.715.340.823

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Chi phí đi vay	29.005.127.753	28.684.727.942
Lỗ chênh lệch tỷ giá	735.823.735	1.791.488.947
Cộng	29.740.951.488	30.476.216.889

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Chi phí nhân viên	10.856.660.381	1.189.847.595
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	2.494.530.449
Chi phí khác	1.370.985.917	1.714.553.643
Cộng	12.227.646.298	5.398.931.687

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,

Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	295.830.874	-
Thu nhập khác	473.900.876	266.504.481
Cộng	769.731.750	266.504.481

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Chi phí khác	37.911.653	490.596.628
Cộng	37.911.653	490.596.628

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.121.234.674)	2.017.948.524
Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	13.175.641.334	14.370.327.898
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	12.054.406.660	16.388.276.422
Chuyển lỗ những năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	12.054.406.660	16.388.276.422
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.410.881.332	3.277.655.284
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm trước	-	1.121.144.089
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.410.881.332	4.398.799.373

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.532.116.006)	(2.380.850.849)
Trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính/thực tế	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.532.116.006)	(2.380.850.849)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	59.489.787	59.489.787
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(59)	(40)
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(59)	(40)

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Công ty không thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do Công ty đang còn lỗ lũy kế. Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2026 cũng dự tính sẽ không trích cho quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2026 do Công ty đang còn lỗ lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,

Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.103.910.671	140.986.532.834
Chi phí nhân công	65.968.483.522	136.443.787.483
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.033.516.091	18.824.438.578
Chi phí dự phòng	-	2.494.530.449
Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.438.916.490	420.800.961.150
Chi phí khác bằng tiền	995.751.664	1.284.570.548
Cộng	406.540.578.438	720.834.821.042

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	30/06/2026	01/01/2026
Chi phí đi vay phải trả nhưng chưa trả	522.844.082.983	495.718.160.251
Lãi dự thu từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhưng chưa thu	2.651.917.337	2.966.459.794
Cổ tức phải trả cho chủ sở hữu nhưng chưa trả	17.911.878.692	17.936.235.092

VIII. Những thông tin khác

Đơn vị tính: VND

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn
Tổng Công ty công nghiệp Tàu thủy	Cổ đông lớn
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	Cùng cổ đông lớn
Chi nhánh Cảng dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo - Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cùng cổ đông lớn
Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Cùng cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC	Cùng cổ đông lớn
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	Cùng cổ đông lớn
Công ty cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC	Cùng cổ đông lớn
Công ty cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Cùng cổ đông lớn
Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	Cùng cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Doanh thu bán hàng, dịch vụ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC	285.336.933.194	326.786.606.196
Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	18.667.550.024	-
Chi nhánh Cảng dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo - Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.800.700.000	15.965.767.131
Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	798.440.093	301.380.000
Công ty cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC	675.231.003	620.388.400
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	185.906.250	28.740.370.918
Cộng	307.464.760.564	372.414.512.645

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,

Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**Mua hàng, dịch vụ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	30.988.382.657	27.798.313.492
Chi nhánh Cảng dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo - Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	4.537.924.986	10.736.798.080
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC	256.406.750	341.035.170
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	21.073.026	-
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	3.541.667	2.087.073.982
Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	-	309.398.000
Cộng	35.807.329.086	41.272.618.724

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Ông Bùi Thanh Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị	237.416.614	277.032.000
Ông Nguyễn Quang Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị	-	12.000.000
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên Hội đồng quản trị	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	-	18.000.000
Ông Trương Duy Lâm	Thành viên Hội đồng quản trị	18.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Văn Dương	Thành viên Hội đồng quản trị	18.000.000	-
Ông Phạm Công Huy	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Thường Minh	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Cộng		315.416.614	355.032.000

Tiền lương của Ban Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Ông Trương Duy Lâm	Giám đốc	345.726.923	319.038.001
Ông Nguyễn Nam Anh	Phó Giám đốc	350.676.924	349.924.999
Cộng		696.403.847	668.963.000

3. Báo cáo bộ phận**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm hoạt động dịch vụ bến bãi, phương tiện, cầu cảng, dịch vụ khác và hoạt động chế tạo, đóng mới, sửa chữa phương tiện nổi. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Hoạt động dịch vụ bến bãi, phương tiện, cầu cảng, khác	84.281.136.486	57.943.943.007
Hoạt động chế tạo, đóng mới, sửa chữa phương tiện nổi	425.193.865.849	717.731.196.069
Cộng	509.475.002.335	775.675.139.076

Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Hoạt động dịch vụ bến bãi, phương tiện, cầu cảng, khác	72.023.944.642	43.825.407.836
Hoạt động chế tạo, đóng mới, sửa chữa phương tiện nổi	402.345.799.800	698.447.882.816
Cộng	474.369.744.442	742.273.290.652

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Hoạt động dịch vụ bến bãi, phương tiện, cầu cảng, khác	12.257.191.844	14.118.535.171
Hoạt động chế tạo, đóng mới, sửa chữa phương tiện nổi	22.848.066.049	19.283.313.253
Cộng	35.105.257.893	33.401.848.424

Theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều phát sinh tại Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Thông tin khác

Tại ngày 30/06/2026, Công ty đang trong quá trình khởi kiện Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng Amecc liên quan đến khoản công nợ phải thu về các hợp đồng thuê mặt bằng, thuê dịch vụ hậu cần, thuê gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị. Số dư nợ gốc (chưa bao gồm tiền lãi chậm thanh toán) Công ty còn phải thu từ các hợp đồng trên và số dư phòng nợ phải thu khó đòi Công ty đã trích lập tại ngày 30/06/2026 và tại ngày 01/01/2026 là 58.422.532.649 đồng và 40.852.676.755 đồng. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, vụ kiện đang được thụ lý bởi Tòa án nhân dân Thành phố Vũng Tàu. Do đó, kết quả của vụ kiện và các ảnh hưởng (nếu có) chưa được xác nhận trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,

Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được soát xét và kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này.

Đơn vị tính: VND

Báo cáo tình hình tài chính

Chỉ tiêu	31/12/2025			31/12/2025
	Mã số	Số đã trình bày	Trình bày lại	Số được trình bày lại
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	780.495.757.534	(973.835.890)	779.521.921.644
Các khoản tương đương tiền	112	43.877.350.000	289.139.515	44.166.489.515
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	84.089.328.088	1.703.484.389	85.792.812.477
Phải thu ngắn hạn khác	135	-	508.823.909	508.823.909
Phải thu ngắn hạn khác	136	3.475.283.703	(3.475.283.703)	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	436.943.397.604	973.835.890	437.917.233.494
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	39.900.000.000	(39.900.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	-	40.873.835.890	40.873.835.890
				-
NỢ PHẢI TRẢ	300	1.710.582.229.088	(50.076.760)	1.710.532.152.328
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	17.936.235.092	17.936.235.092
Phải trả ngắn hạn khác	319	516.734.096.925	(516.734.096.925)	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	-	498.747.785.073	498.747.785.073
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(493.143.073.950)	50.076.760	(493.092.997.190)
Nguồn kinh phí	431	(50.076.760)	50.076.760	-

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu



Hoàng Thị Thu Huyền

Phụ trách kế toán



Mạc Thị Hồng Vượng

Giám đốc



Trương Duy Lâm